

d) Cục Thú y (phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội, điện thoại: 8696788, Fax: 8691311) hoặc cơ quan thường trực Cục Thú y tại thành phố Hồ Chí Minh (số 521 Hoàng Văn Thụ, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại: 08.8444024, Fax: 08.8569050): các trường hợp quy định tại điểm b và c Mục 4 thuộc Chương II;

d) Cục Bảo vệ thực vật (số 149 phố Hồ Đắc Di, quận Đống Đa, Hà Nội, điện thoại: 8519451, Fax: 5330043) hoặc đại diện Cục Bảo vệ thực vật tại thành phố Hồ Chí Minh (số 28 phố Mạc Đĩnh Chi, quận I, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại: 08.8221413, Fax: 08.8244187): các trường hợp quy định tại điểm c và d Mục 5 thuộc Chương II.

**2. Mẫu hồ sơ:** Theo mẫu hồ sơ do các cơ quan quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

**3. Thời hạn giải quyết hồ sơ:** Trong thời gian 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan tiếp nhận hồ sơ nói tại Mục 1 Chương này phải có văn bản trả lời.

#### **4. Hiệu lực thi hành.**

Thông tư này thay thế Thông tư số 41/2000/TT-BNN-KH ngày 13/4/2000 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành nông nghiệp.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét giải quyết./.

Bộ trưởng

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

LÊ HUY NGỌ

**THÔNG TƯ số 72/2001/TT-BNN ngày 09/7/2001 về việc bổ sung và sửa đổi một số điểm trong Thông tư số 62/2001/TT-BNN ngày 05/6/2001 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành nông nghiệp theo Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg ngày 04/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2001 - 2005.**

Để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thuận lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung, sửa đổi điểm 1.2 và điểm 1.3 của Mục 1, điểm 2.2 của Mục 2, điểm d của Mục 5 (Chương II), điểm a Mục 1 và Mục 4 (Chương III) tại Thông tư số 62/2001/TT-BNN ngày 05 tháng 6 năm 2001 về hướng dẫn việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành nông nghiệp thời kỳ 2001 - 2005 như sau:

#### **I. Sửa đổi, bổ sung các điểm sau:**

##### **1. Sửa lại ý "b" của điểm 1.2 (Mục 1 Chương II) như sau:**

"b) Sản phẩm gỗ quý hiếm thuộc nhóm IIA quy định tại Nghị định số 18/HĐBT ngày 17 tháng 1 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) chỉ được phép xuất khẩu ở dạng hàng mỹ nghệ và đồ gỗ cao cấp; khi xuất khẩu, doanh nghiệp chỉ phải làm thủ tục với hải quan cửa khẩu."

##### **2. Điểm 1.3 (Mục 1 Chương II) sửa lại như sau:**

"Tất cả các sản phẩm làm từ các loại gỗ (trừ những quy định tại khoản 1.1 và khoản 1.2) đều được phép xuất khẩu, không hạn chế về số lượng và giá trị; khi xuất khẩu, doanh nghiệp chỉ phải làm thủ tục tại hải quan cửa khẩu."



### 3. Sửa lại ý "b" của điểm 2.2 (Mục 2 Chương II).

Sửa F2 thành F1 ở dòng thứ 8 từ dưới lên (trang 3). Toàn văn cụm từ đó sẽ là "...được xuất khẩu sản phẩm từ thế hệ F1 trở đi,...".

### 4. Thêm điểm d vào Mục 5 (Chương II).

"d) Các loại thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật ngoài Danh mục được phép sử dụng ở Việt Nam, khi có yêu cầu nhập khẩu để sử dụng cho các dự án đầu tư nước ngoài tại Việt Nam hoặc phục vụ cho mục đích đặc biệt khác thì phải được Cục Bảo vệ thực vật cho phép nhập khẩu."

### 5. Điểm a Mục 1 (Chương III) sửa lại như sau:

"a) Cục Phát triển lâm nghiệp (Số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội; điện thoại (04) 8438813): Giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện Mục 1 của Chương II."

### 6. Mục 4 (Chương III) được bổ sung như sau:

"Thông tư này thay thế Thông tư số 41/2000/TT-BNN-KH ngày 13/4/2000 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành nông nghiệp và chuyển giao nhiệm vụ cấp giấy phép nhập khẩu khảo nghiệm giống cây trồng, giống vật nuôi, gen cây trồng, vật nuôi, vi sinh vật, thức ăn chăn nuôi và phân bón đã được quy định tại các Thông tư số 02/NN-KNKL/TT ngày 01/3/1997, số 09/NN-KNKL/TT ngày 17/9/1996 từ Vụ Khoa học, công nghệ và chất lượng sản phẩm sang Cục Khuyến nông - Khuyến lâm."

## II. Hiệu lực thi hành.

1. Ngoài những điểm sửa đổi, bổ sung trên, các nội dung khác trong Thông tư số 62/2001/TT-BNN ngày 05 tháng 6 năm 2001 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, còn nguyên hiệu lực.

2. Thông tư này bãi bỏ các cụm từ: a) "...phải có giấy phép của Chi cục Kiểm lâm sở tại" ý thứ hai (b) điểm 1.2, Mục 1 Chương II, dòng 15 (từ trên xuống); b) "và các sản phẩm từ rừng trồng (trừ gỗ tròn, gỗ xẻ)" (tại điểm 1.3 Mục 1 Chương II) dòng 19 (từ trên xuống) ở trang 2; c) F2 ở dòng

thứ 8 dưới lên trang 3; d) " a) Chi cục Kiểm lâm sở tại: các trường hợp quy định tại điểm b, khoản 1.2 Mục 1 thuộc Chương II " ở trang 6 của Thông tư số 62/2001/TT-BNN ngày 05 tháng 6 năm 2001/.

Bộ trưởng

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

LÊ HUY NGỌ

**QUYẾT ĐỊNH số 75/2001/QĐ-BNN ngày 23/7/2001 về việc phê duyệt dự án Bảo tồn Vườn đen tại vùng Tây Bắc Việt Nam do Quỹ Margot Marsh, Mỹ và Tổ chức Bảo tồn động vật, thực vật hoang dã Quốc tế (FFI) - Chương trình Đông Dương đồng tài trợ.**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

*Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 01/11/1995\* của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 17/2001/NĐ-CP ngày 04/5/2001 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA);*

*Căn cứ Quyết định số 64/2001/QĐ-TTg ngày 26/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài;*

*Xét đề nghị của Cục Kiểm lâm - Công văn số 343/KL-BTTN về việc phê duyệt dự án hợp tác với FFI;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế,*